

Bản án số: 224/2024/HS-ST
Ngày 12-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhân.

Ông Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 278/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Duy L, sinh năm 1994 tại Quảng Ngãi; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Tấn H và bà Nguyễn Thị A; Bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2024 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại:

1.1. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1985 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1983 – (vắng mặt).

Địa chỉ: 6 Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 05/5/2024, Trần Duy L vào Bệnh viện Nhi Đồng Thành phố H tại số A đường V, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích tìm tài sản để trộm cắp rồi bán lấy tiền tiêu xài. L đi lên Lầu 7 thì phát hiện ngoài hành lang trước Phòng 7A05 có 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y15 của ông Nguyễn Văn Ú đang sạc pin để trên đầu giường nên L liền rút dây sạc pin ra và lấy điện thoại cất vào túi quần bên trái. Sau đó, L đi qua giường đối diện trước Phòng 7A02 thì phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 của bà Trần Thị L1 để trên giường nên L liền lấy điện thoại cất vào túi quần bên trái rồi rời đi.

Sau khi ra khỏi Bệnh viện, L kiểm tra thấy điện thoại hiệu Vivo Y15 không cài mật khẩu, chiếc điện thoại hiệu Oppo A74 có cài mật khẩu. Để tránh bị phát hiện, L tháo sim trong hai điện thoại ra vứt bỏ dọc đường rồi đi bộ ra đường Quốc lộ 1 tìm người bán 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Khoảng 09 giờ cùng ngày trên đường Q, L bán chiếc điện thoại hiệu Vivo Y15 cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) giá 800.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại hiệu Oppo A74 thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi nhưng lại không mua do điện thoại có cài mật khẩu và kính màn hình bị nứt. Do đó, L cất giữ điện thoại này trên người.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, ông Ú và bà L1 thông báo cho nhân viên bảo vệ của bệnh viện là ông Cao Văn T1 biết nhưng không trình báo Công an do đang nuôi con bệnh. Ông T1 rà soát camera ở bệnh viện thì phát hiện có 01 thanh niên nói trên trộm cắp 02 điện thoại di động của ông Ú và bà L1. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 09/5/2024, L tiếp tục vào Bệnh viện để tìm tài sản trộm cắp nhưng chưa trộm được tài sản thì bị ông Cao Văn T1 phát hiện. Ông T1 cùng ông Nguyễn Chí L2 giữ Trần Duy L lại, phát hiện trên người L còn giữ chiếc điện thoại hiệu Oppo A74 trộm được của bà L1 ngày 05/5/2024. Ông T1 bàn giao Trần Duy L và giao nộp điện thoại di động hiệu Oppo A74, 01 USB chứa dữ liệu camera về hành vi trộm cắp của L ngày 05/5/2024 cho Công an xã T. Sau khi tiếp nhận và lập hồ sơ ban đầu, Công an xã T chuyển tố giác về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1605/KL-HĐĐGTS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- *Chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y15 có giá trị còn lại là 1.250.000 đồng.*

- *Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A74 có giá trị còn lại là 2.000.000 đồng.*

* Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 (màu xanh) tạm giữ của bị cáo Trần Duy L. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại này thuộc sở hữu của bà Trần Thị L1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L1.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y15, L đã bán cho một người đàn ông chưa xác định lai lịch nên Công an huyện B chưa thu hồi được.

- 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận Trần Duy L trộm cắp tài sản do ông Cao Văn T1 giao nộp lưu cùng hồ sơ vụ án.

- 01 đôi dép da (màu nâu đen, trên dép có chữ DIOR) Trần Duy L mang khi trộm cắp tài sản.

* Về dân sự:

- Ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng tương đương giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y15 bị mất trộm.

- Bà Trần Thị L1 đã nhận lại điện thoại di động hiệu Oppo A74, không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và sim bị mất.

Tại Cáo trạng số: 270/CT-VKSBC ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Duy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Duy L từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ghi nhận bị hại L1 không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Ú số tiền 3.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép da (màu nâu đen, trên dép có chữ DIOR) Trần Duy L mang khi trộm cắp tài sản.

- Lưu giữ hồ sơ vụ án: 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận Trần Duy L trộm cắp tài sản do ông Cao Văn T1 giao nộp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy L khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên, bị cáo rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 05/5/2024, bị cáo Trần Duy L đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 của bà Trần Thị L1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y15 của ông Nguyễn Văn Ú tại Bệnh viện Nhi đồng Thành phố H, địa chỉ: Số A V, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên của các bị hại, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt, qua định giá có giá trị là 3.250.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại và còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 (màu xanh) tạm giữ của bị cáo Trần Duy L. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại này thuộc sở hữu của bà Trần Thị L1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận Trần Duy L trộm cắp tài sản do ông Cao Văn T1 giao nộp lưu cùng hồ sơ vụ án nên lưu giữ hồ sơ vụ án.

- 01 đôi dép da (màu nâu đen, trên dép có chữ DIOR) Trần Duy L mang khi trộm cắp tài sản. Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trần Thị L1 đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Bị hại Nguyễn Văn Ú yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng tương đương giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y15 bị mất trộm. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên. Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Nguyễn Văn Ú là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Ú số tiền 3.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án và dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Trần Duy L** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2024.

* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) USB chứa dữ liệu camera ghi nhận Trần Duy L trộm cắp tài sản.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đôi dép da (màu nâu đen, trên dép có chữ DIOR), (vật chứng này Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận tang tài vật ngày 22/8/2024 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

* Ghi nhận bị hại Trần Thị L1 không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

* Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Duy L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Ú số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại Nguyễn Văn Ú mà bị cáo chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh (2);
- Công an huyện Bình Chánh (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM (1);
- Sở tư pháp TPHCM (1);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông

